| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TUY PHONG**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Đồng Vũ.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Trọng Di.
2. Ông Phạm Văn Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa***: Ông Lâm Đa Cha, Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1966. (Có mặt)
Địa chỉ: khu phố M, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

*2. Bị đơn:* Bà Mạch Thị S, sinh năm 1969. (Vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố M, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:* Ông Đỗ Văn H và bà Mạch Thị S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 710 quyển số 04 ngày 30/12/2004. Thời gian đầu vợ chồng còn hạnh phúc nhưng từ năm 2019 ông H và bà S thường xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc và bất đồng quan điểm sống, ông H và bà S không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn H ly hôn bà Mạch Thị S.

+ Về con chung: Quá trình chung sống, ông H và bà S có 05 con chung là Đỗ Thị Phương T sinh năm 1991, Đỗ Đức H1 sinh năm 1993, Đỗ Đức T1 sinh năm 1997, Đỗ Đức H2 sinh năm 2000, Đỗ Thị Phượng H3 sinh ngày 22/10/2007. Do hiện nay con chung Đỗ Thị Phượng H3 đang sống cùng với bà S, ông H không có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên nay ông H yêu cầu bà S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Phượng H3, ông H không phải cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn không có mặt tại tòa để trình bày ý kiến.

Ngày 05/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành xác minh tại khu phố M, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, kết quả như sau: Bà Mạch Thị S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố M, thị trấn P, nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, bà S đã bỏ địa phương đi cách đây hơn 01 năm; Không rõ mâu thuẫn vợ chồng là gì nhưng hiện nay ông H và bà S không còn chung sống với nhau; Về con chung, ông H và bà S có 04 con chung đã thành niên và 01 con chung chưa thành niên là Đỗ Thị Phượng H3 sinh ngày 22/10/2007 bà S đã dẫn đi.

Do không thể tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn nên Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:*

Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị giao con chung chưa thành niên là Đỗ Thị Phượng H3 sinh ngày 22/10/2007 cho bà S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đỗ Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Mạch Thị S và tranh chấp nuôi con chung do đó Tòa án thấy rằng đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều

28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn H và bà Mạch Thị S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại địa phương thì sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, ông H và bà S không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu ly hôn bà S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà S đến giải quyết nhưng bà không chấp hành. Như vậy tình trạng hôn nhân của ông H và bà S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Ông H, bà S có 05 con chung là Đỗ Thị Phương Thảo sinh năm 1991, Đỗ Đức Huy sinh năm 1993, Đỗ Đức Trương sinh năm 1997, Đỗ Đức Hào sinh năm 2000 và Đỗ Thị Phượng H3 sinh ngày 22/10/2007, do không có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên ông H yêu cầu bà S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Đỗ Thị Phượng H3. Theo lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại địa phương thì khi bỏ địa phương đi thì bà S đã dẫn theo con chung Đỗ Thị Phượng H3. Xét thấy yêu cầu của ông H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ vào:**

- khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 1, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Đỗ Văn H được ly hôn bà Mạch Thị S.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Thị Phượng H3 sinh ngày 22/10/2007 cho bà Mạch Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đỗ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Ông Đỗ Văn H là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012188 ngày 21/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Ông Đỗ Văn H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn P, huyện Tuy Phong (CNKH số 710 quyển số 04 ngày 30/12/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đồng Vũ**